UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN TUẦN GIÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1880 /QĐ-UBND	*Tuần Giáo, ngày 17 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách hộ nghèo có nhu cầu làm mới nhà ở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 2000/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế - Hạ tầng tại Tờ trình số 53/Ttr, ngày 14/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 976 hộ nghèo có nhu cầu làm mới nhà ở trên địa bàn huyện Tuần Giáo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 *(Có danh sách kèm theo)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng các phòng: Kinh tế - Hạ tầng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị huyện có liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các cá nhân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở Xây dựng;
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Mùa Va Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO

BIỂU TỔNG HỢP
HỘ NGHÈO CÓ NHU CẦU LÀM MỚI VỀ NHÀ Ở GIAI ĐOẠN 2021-2025 HUYỆN TUẦN GIÁO

(Kèm theo Quyết định số 1880 /QĐ-UBND ngày 17 /10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Đơn vị	Số hộ nghèo có nhu cầu làm mới nhà ở	Trong đó						Ghi
			Hộ nghèo dân tộc thiểu số	Hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng	Hộ nghèo có thành viên thuộc đối tượng bảo trợ xã hội	Hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, neo đơn, khuyết tật)	Hộ nghèo thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Các hộ nghèo còn lại	
	1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	
1	Xã Chiềng Đông	50	50						
2	Xã Chiềng Sinh	40	39	1					
3	Xã Mùn Chung	23	23						
4	Xã Mường Khong	49	49						
5	Xã Mường Mùn	68	68						
6	Xã Mường Thín	26	26						
7	Xã Nà Sáy	49	49						
8	Xã Nà Tòng	31	31						
9	Xã Phình Sáng	27	27						
10	Xã Pú Nhung	18	18						
11	Xã Pú Xi	15	15						
12	Xã Quài Cang	187	186					1	
13	Xã Quài Nưa	101	100			1			
14	Xã Quài Tở	181	181						
15	Xã Rạng Đông	40	38		1	1			
16	Xã Ta Ma	11	11						
17	Xã Tênh Phông	7	7						
18	Xã Tỏa Tình	48	48						
19	Thị trấn Tuần Giáo	5	4					1	
	Tổng	**976**	**970**	**1**	**1**	**2**	**0**	**2**	

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO

DANH SÁCH HỘ NGHÈO CÓ NHU CẦU LÀM MỚI VỀ NHÀ Ở GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1880 */QĐ-UBND ngày* 17 */10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo)*

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
1	Mùa A Công	12/04/1993	011093001298	Mông	Bản Hua Chăn - Chiềng Đông	
2	Lầu A Dếnh	1989	011089001322	Mông	Bản Hua Chăn - Chiềng Đông	
3	Vàng A Dếnh	1990	011090001379	Mông	Bản Hua Chăn - Chiềng Đông	
4	Vừ Thị Xi	1995	011195001224	Mông	Bản Hua Chăn - Chiềng Đông	
5	Mùa A Lử	15/02/1993	011093001249	Mông	Bản Hua Chăn - Chiềng Đông	
6	Vàng A Cú	09/10/1994	011094001200	Mông	Bản Hua Nạ - Chiềng Đông	
7	Hờ A Sếnh	14/06/1995	011095000708	Mông	Bản Hua Nạ - Chiềng Đông	
8	Vàng Sếnh Trừ	1988	011088000883	Mông	Bản Hua Nạ - Chiềng Đông	
9	Hờ A Tính	01/02/1991	011091004414	Mông	Bản Hua Nạ - Chiềng Đông	
10	Hờ A Của (B)	12/12/1994	011094002734	Mông	Bản Hua Nạ - Chiềng Đông	
11	Lò Văn Oan	09/11/1975	011075003142	Thái	Bản Vánh 3 - Chiềng Đông	
12	Bạc Thị Đon	01/01/1990	011190006158	Thái	Bản Vánh 3 - Chiềng Đông	
13	Tòng Thị Bích Huyền	05/09/2004		Thái	Bản Vánh 3 - Chiềng Đông	
14	Lò Văn É	20/11/1989		Thái	Bản Cộng - Chiềng Đông	
15	Lò Văn Chiến	15/06/1968	011068000731	Thái	Bản Cộng - Chiềng Đông	
16	Lường Thị Nọi	01/01/1969	011169000806	Thái	Bản Cộng - Chiềng Đông	
17	Lò Thị Hoa	12/12/1977		Thái	Bản Cộng - Chiềng Đông	
18	Lò Văn Nguyên	10/07/1949	011079003738	Thái	Bản Cộng - Chiềng Đông	
19	Lò Văn Ón	01/01/1956	11056000316	Thái	Bản Cộng - Chiềng Đông	
20	Lò Văn Tươi	1995	011095006484	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
21	Lò Thị Hại	20/07/1961	011161000462	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	
22	Lò Văn Ươi	12/10/1988	011088003060	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	
23	Lò Văn Phong	05/11/1986	011086001553	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	
24	Quàng Văn Thuận	28/09/1986	011086007066	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	
25	Lò Thị Phanh	03/11/1975	11175001058	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	
26	Lường Văn Tuấn	10/05/1985	040357104	Thái	Bản Vánh 1 - Chiềng Đông	
27	Lường Thị Tương	01/01/1959	011159000513	Thái	Bản Nôm - Chiềng Đông	
28	Lò Thị Minh	1989	011189004765	Thái	Bản Nôm - Chiềng Đông	
29	Quàng Thị Diên	01/01/1958	011159000496	Thái	Bản Vánh 2 - Chiềng Đông	
30	Lường Thị Tươi	1947	011147000130	Thái	Bản Vánh 2 - Chiềng Đông	
31	Lò Văn Năm	01/11/1985	011085002748	Thái	Bản Vánh 2 - Chiềng Đông	
32	Lò Văn Nủa	1994	011094002679	Thái	Bản Vánh 2 - Chiềng Đông	
33	Cà Văn Tể	20/01/1952	011052000247	Thái	Bản Chăn - Chiềng Đông	
34	Lò Thị Lương	01/01/1976	11176001161	Thái	Bản Chăn - Chiềng Đông	
35	Lò Văn Minh	01/01/1978	011078003766	Thái	Bản Chăn - Chiềng Đông	
36	Lò Văn Hưng	24/09/1987	011077000555	Thái	Bản Chăn - Chiềng Đông	
37	Lò Thị Đanh	12/07/1979	011179002571	Thái	Bản Chăn - Chiềng Đông	
38	Lò Văn Diên	30/12/1960	011060000670	Thái	Bản Bó - Chiềng Đông	
39	Lò Văn Kiên	25/01/1990	011090001467	Thái	Bản Bó - Chiềng Đông	
40	Lò Văn Thành	12/12/1966	11066000716	Thái	Bản Bó - Chiềng Đông	
41	Lò Văn Doi	02/01/1949	11049001967	Thái	Bản Bó - Chiềng Đông	
42	Quàng Văn Cươi	15/07/1987		Thái	Bản Bó - Chiềng Đông	
43	Lường Văn Thảo	25/08/1991	011090001401	Thái	Bản Bó - Chiềng Đông	
44	Lò Thị Bang	1962	011162007670	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	
45	Lò Văn Tâm (N)	1989	011089004122	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	
46	Quàng Văn Tâm	16/05/1985	011085007132	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	
47	Lường Văn Tươi	01/01/1994	011094005277	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
48	Cà Văn Cương	12/06/1989	011089005893	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	
49	Lò Văn Thâng	01/05/1960	11060000686	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	
50	Lò Văn Cáy	01/01/1951	11051000080	Thái	Bản Phang - Chiềng Đông	
51	Ngô Quang Hắt	20/2/1948	011048000180	Kinh	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
52	Bạc Cầm Khiêm	01/6/1963	011063000953	Thái	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
53	Bạc Cầm Sức	01/11/1957	011057000524	Thái	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
54	Quàng Văn Cương	06/7/1982	011082001927	Thái	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
55	Quàng Thị Kỷ	01/1/1956	011156000596	Thái	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
56	Quàng Văn Pấng	10/10/1967	011067002935	Thái	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
57	Quàng Văn Xuấn	02/1/1984	011084004059	Thái	Bản Ta Cơn - Chiềng Sinh	
58	Cà Thị Phó	01/1/1956	011156000600	Thái	Bản Che Phai 1 - Chiềng Sinh	
59	Lường Văn Bang	1977		Thái	Bản Che Phai 1 - Chiềng Sinh	
60	Quàng Văn Thể	26/12/1977	011077001449	Thái	Bản Che Phai 1 - Chiềng Sinh	
61	Lò Thị Diu	01/01/1983	011136000107	Thái	Bản Che Phai 1 - Chiềng Sinh	
62	Lò Văn Tươi	18/8/1972	011072001477	Thái	Bản Che Phai 1 - Chiềng Sinh	
63	Bạc Cầm Són	20/10/1943	011043001731	Thái	Bản Che Phai 2 - Chiềng Sinh	
64	Lò Văn Thoan	02/08/1970	011070004411	Thái	Bản Che Phai 2 - Chiềng Sinh	
65	Bạc Cầm Inh	15/4/1954	011054000523	Thái	Bản Che Phai 2 - Chiềng Sinh	
66	Bạc Cầm Ý	10/08/1964	011064001293	Thái	Bản Che Phai 2 - Chiềng Sinh	
67	Bạc Cầm Xích	16/11/1973	011073001259	Thái	Bản Che Phai 2 - Chiềng Sinh	
68	Quàng Thị Hoa	1946		Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	
69	Cà Thị Nói	18/1/1963	011163001082	Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	
70	Lường Văn Chiêng	12/11/1974	011074001338	Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	
71	Tòng Văn Thuấn	01/1/1969	011069001141	Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	
72	Quàng Văn Bình	01/1/1974	011074001342	Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	
73	Lường Văn Tiên	15/7/1980	011080004872	Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	
74	Cà Văn Xuân	07/5/1979	011079005924	Thái	Bản Kép - Chiềng Sinh	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
75	Lò Thị Piếng	1992	011192006211	Thái	Bản Dửn - Chiềng Sinh	
76	Lường Văn Chiển	01/1/1990	011090005273	Thái	Bản Dửn - Chiềng Sinh	
77	Lò Văn Thi	04/11/1995	011095007348	Thái	Bản Dửn - Chiềng Sinh	
78	Lò Thị Đăm	1956	011156000594	Thái	Bản Dửn - Chiềng Sinh	
79	Lò Văn Chương	06/5/1954	011054000522	Thái	Bản Dửn - Chiềng Sinh	
80	Lò Thị Đức	01/1/1960	011160001131	Thái	Bản Hiệu - Chiềng Sinh	
81	Lò Thị Phẩn	07/1/1962	011162001233	Thái	Bản Hiệu - Chiềng Sinh	
82	Lò Thị Hún	02/12/1958	011158000772	Thái	Bản Hiệu - Chiềng Sinh	
83	Tòng Thị Bình	18/11/1969	011169001306	Thái	Bản Hiệu - Chiềng Sinh	
84	Quàng Văn Khụi	29/01/1983	011083002230	Thái	Bản Hiệu - Chiềng Sinh	
85	Lò Văn Tùng	28/02/1989		Thái	Bản Hiệu - Chiềng Sinh	
86	Lường Văn Úa	15/03/1958	011058000742	Thái	Bản Ly Xôm - Chiềng Sinh	
87	Lò Văn Phong	12/12/1976	011076001482	Thái	Bản Ly Xôm - Chiềng Sinh	
88	Bạc Thị Thịnh	18/6/1954	011154000552	Thái	Bản Ly Xôm - Chiềng Sinh	
89	Lò Thị Bình	20/11/1980	011180002086	Thái	Bản Ly Xôm - Chiềng Sinh	
90	Cà Thị Tính	03/09/1976	011176001867	Thái	Bản Ly Xôm - Chiềng Sinh	
91	Giàng A Cơ	1978	011078001045	Mông	Bản Co Sản - Mùn Chung	
92	Giàng A Chìa	1996	011096005749	Mông	Bản Co Sản - Mùn Chung	
93	Sềnh A Chứ	1992	011092001302	Mông	Bản Co Sản - Mùn Chung	
94	Cháng A Vàng	1982	011082005987	Mông	Bản Co Sản - Mùn Chung	
95	Lò Thị Sọ	1977	011177001230	Khơ mú	Bản Ta Lếch - Mùn Chung	
96	Lò Thị Phựt	1958	011158000531	Khơ mú	Bản Ta Lếch - Mùn Chung	
97	Quàng Thị Ạch	1964	011164000995	Khơ mú	Bản Ta Lếch - Mùn Chung	
98	Ly A Nhìa	1978	011078001076	Mông	Bản Huổi Cáy - Mùn Chung	
99	Quàng Văn Việt	1985	011085001507	Khơ mú	Bản Bó Lếch - Mùn Chung	
100	Lường Văn Điêm	1992	011092007896	Khơ mú	Bản Bó Lếch - Mùn Chung	
101	Quàng Văn Dương	1979	011079001107	Khơ mú	Bản Bó Lếch - Mùn Chung	
102	Quàng Văn Nganh	1991	011091001351	Khơ mú	Bản Bó Lếch - Mùn Chung	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
103	Quàng Văn Thiết	1990	011090001573	Khơ mú	Bản Bó Lếch - Mùn Chung	
104	Lường Thị Hiếng	1984	011184004821	Thái	Bản Huổi Lóng - Mùn Chung	
105	Lò Văn Thân	1992	011092008368	Thái	Bản Huổi Lóng - Mùn Chung	
106	Lò Văn Thiên	1996	011097001019	Thái	Bản Huổi Lóng - Mùn Chung	
107	Lò Văn Ọi	1974	040533421	Thái	Bản Huổi Lóng - Mùn Chung	
108	Cà Thị Hiến	1967	011167000734	Thái	Bản Phiêng Pẻn - Mùn Chung	
109	Quàng Văn Chấp	1988	011088001509	Thái	Bản Phiêng Pẻn - Mùn Chung	
110	Cà Văn Lợi	1993	011093001364	Thái	Bản Phiêng Pẻn - Mùn Chung	
111	Lò Văn Sim	1994	011094001314	Thái	Bản Chiềng Ban - Mùn Chung	
112	Tòng Thị Hom	1952	011152000234	Thái	Bản Co En - Mùn Chung	
113	Vừ Thị Sùng	1995	011195007499	Mông	Bản Co En - Mùn Chung	
114	Giàng A Vàng	03/09/1980	011080001924	Mông	Bản Hua Sát - Mường Khong	
115	Ly A Hừ	09/09/1952	011052000470	Mông	Bản Hua Sát - Mường Khong	
116	Ly A Thái	01/01/1987	011087002573	Mông	Bản Huổi Nôm - Mường Khong	
117	Giàng A Chớ	01/01/1992	011092002526	Mông	Bản Huổi Nôm - Mường Khong	
118	Cứ A Sùng	07/01/1988	011088002850	Mông	Bản Huổi Nôm - Mường Khong	
119	Ly A Vừ	15/06/1990	011090002965	Mông	Bản Huổi Nôm - Mường Khong	
120	Giàng A Dua	01/01/1960	011060003083	Mông	Bản Huổi Nôm - Mường Khong	
121	Giàng A Khá	1983	011083002088	Mông	Bản Huổi Nôm - Mường Khong	
122	Lò Văn Đăm	01/01/1966	011066002697	Thái	Bản Phiêng Hin - Mường Khong	
123	Quàng Văn Mế	25/02/1991	040537025	Thái	Bản Phiêng Hin - Mường Khong	
124	Lường Văn Quang	01/01/1986	011086005337	Thái	Bản Phiêng Hin - Mường Khong	
125	Lường Thị Thanh	01/01/1971	011171001452	Thái	Bản Phiêng Hin - Mường Khong	
126	Cà Thị Chung	01/01/1986	011186007846	Thái	Bản Phiêng Hin - Mường Khong	
127	Lò Thị Kiên	06/04/1971	011171001450	Thái	Bản Phiêng Hin - Mường Khong	
128	Lường Văn Thuật	09/11/1973	011073001495	Thái	Bản Phai Mướng - Mường Khong	
129	Quàng Văn Nướng	01/01/1969	011069003492	Thái	Bản Phai Mướng - Mường Khong	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
130	Lường Văn Thương	02/01/1968	011068003808	Thái	Bản Khong Nưa - Mường Khong	
131	Tòng Văn San	02/09/1963	011063002941	Thái	Bản Khong Nưa - Mường Khong	
132	Cà Văn Thạch	01/01/1990	011090002964	Thái	Bản Khong Nưa - Mường Khong	
133	Lường Văn Thoa	01/01/1981	011081001716	Thái	Bản Khong Nưa - Mường Khong	
134	Lường Văn Chung	16/09/1994	011094002471	Thái	Bản Khong Nưa - Mường Khong	
135	Cầm Thị Thúc	01/01/1958	011158000896	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
136	Quàng Thị Hó	01/01/1965	011165001242	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
137	Quàng Thị Hưởng	01/01/1960	011160001306	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
138	Cà Thị Ninh	01/01/1977	011177002050	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
139	Cà Thị Kiêm	01/01/1984	011184002997	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
140	Lò Văn Bương	01/01/1947	011047000214	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
141	Lò Thị Chiển	01/01/1986	011186003417	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
142	Lường Thị Nghiên	20/12/1972	011172002045	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
143	Lò Văn Khương	01/01/1965	011065001652	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
144	Lường Văn Hảng	01/01/1963	011063002432	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
145	Cà Thị Inh	1982	011182002838	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
146	Lường Văn Doãn	1975	011175002045	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
147	Lường Thị Binh	12/06/1976	011176002170	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
148	Lường văn Bi	22/12/1995	011095005604	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
149	Lò Thị Diên	1976	011176002194	Thái	Bản Khong Tở - Mường Khong	
150	Lường Văn Chung	04/03/1988	011088002817	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
151	Cà Thị Thơm	29/12/1983	011183006369	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
152	Lò văn Biên	01/01/1983	011083002113	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
153	Lường Thị Dong	01/12/1986	040443277	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
154	Lường Văn Doan	1985	011085007470	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
155	Lò Thị Linh	25/11/1975	011175002159	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
156	Cà Văn Vui	20/10/1958	011058000867	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
157	Lò Văn Đón	1985	011085004533	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
158	Lường Văn Phóng	1990	011090007477	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
159	Lường Văn Xiên	01/01/1991	011091002483	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
160	Lò Văn Oan	05/05/1958	011090007477	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
161	Cà Văn Sơn	1978	040443304	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
162	Lường Thị Phanh	1983	011183002694	Thái	Bản Co Đứa - Mường Khong	
163	Quàng Văn Tâm	1993	011093006790	Thái	Bản Ta Pao - Mường Mùn	
164	Quàng Văn Quân	1990	011090001642	Thái	Bản Ta Pao - Mường Mùn	
165	Lò Văn Bình	1988	011088001584	Thái	Bản Ta Pao - Mường Mùn	
166	Quàng Văn Phương	1966	011066000751	Thái	Bản Ta Pao - Mường Mùn	
167	Lò Văn Phú	1997	011097001384	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
168	Lò Văn Nghĩa	1998	011198001018	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
169	Lò Văn Sệt	1969	011069000782	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
170	Lò Văn Chinh	1990	011090005877	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
171	Quàng Văn Dương	1983	011190001818	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
172	Lò Thị Tiên	1974	011174001167	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
173	Lò Thị Hinh	1966	011166000879	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
174	Quàng Thị Thang	1979	011179005906	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
175	Lò Thị Hà	1989		Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
176	Lò Thị Din	1981	011181005354	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
177	Lò Văn Toàn	1986	011086005656	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
178	Lò Thị Lay	1953	011153003714	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
179	Lò Văn Sy	1931	011031000037	Khơ mú	Bản Huổi Lốt - Mường Mùn	
180	Thào A Lử	1992	011092005941	Mông	Bản Huổi Khạ - Mường Mùn	
181	Giàng A Dơ	1983	011083001500	Mông	Bản Huổi Khạ - Mường Mùn	
182	Thào A Câu	1967	011067002503	Mông	Bản Huổi Khạ - Mường Mùn	
183	Giàng A Tùng	1976	011076000991	Mông	Bản Huổi Khạ - Mường Mùn	
184	Giàng A Dia (b)	1995	011095001287	Mông	Bản Huổi Khạ - Mường Mùn	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
185	Thào A Chứ	1994	011094008046	Mông	Bản Huổi Khạ - Mường Mùn	
186	Lò Văn Mạnh	1993	110219002369	Thái	Bản Nà Chua - Mường Mùn	
187	Quàng Thị Diển	1969	011169000920	Thái	Bản Nà Chua - Mường Mùn	
188	Lò Văn Thắn	1968	011068000759	Thái	Bản Nà Chua - Mường Mùn	
189	Nùng Văn Dính	1985	011085001504	Thái	Bản Nà Chua - Mường Mùn	
190	Giàng A Khai	1983	011083003959	Mông	Bản Pú Piến - Mường Mùn	
191	Giàng A Lử	1992	011092006950	Mông	Bản Pú Piến - Mường Mùn	
192	Sùng A Vả	1991	011091006013	Mông	Bản Pú Piến - Mường Mùn	
193	Sùng A Chía	1992	011092001312	Mông	Bản Pú Piến - Mường Mùn	
194	Thào A Bình	1999	011099000926	Mông	Bản Huổi Cáy - Mường Mùn	
195	Giàng A Sử	1967	011067000583	Mông	Bản Huổi Cáy - Mường Mùn	
196	Thào A Dế	1995	011095001270	Mông	Bản Huổi Cáy - Mường Mùn	
197	Lò Văn Nim	1984	011085001478	Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
198	Lường Văn Quang	1995	011095005036	Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
199	Lò Văn Diu	1986	011086006805	Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
200	Điêu Thị Đức	1966	011166000878	Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
201	Lò Văn Quyền	1985	011085001492	Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
202	Quàng Văn Quán	1989	011089001465	Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
203	Lò Văn Quế	1989		Thái	Bản Hỏm Hốc - Mường Mùn	
204	Ma Văn Quý	1986	008086002065	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
205	Mào Văn Quế	1992	011092001314	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
206	Lò Thị Diêu	1974	011174001168	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
207	Mào Văn Muôn	1984	011084006138	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
208	Mào Văn Yết	1988	011088002823	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
209	Quàng Văn Hom	1957	011057000036	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
210	Lò Văn Chủng	1994	011094001346	Thái	Bản Mường 2 - Mường Mùn	
211	Giàng A Thắng	1972	011072001026	Mông	Bản Gia Bọp - Mường Mùn	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
212	Giàng A Thào	1990	011090005405	Mông	Bản Gia Bọp - Mường Mùn	
213	Giàng A Trung	1951	011051002630	Mông	Bản Gia Bọp - Mường Mùn	
214	Giàng A Páo (B)	1994	011094001368	Mông	Bản Gia Bọp - Mường Mùn	
215	Giàng A Vừ	1994	011094001368	Mông	Bản Gia Bọp - Mường Mùn	
216	Lò Văn Doan	1990	011090001340	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
217	Lò Văn Tấm	1986	001086001674	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
218	Ngà Văn Hải	1989	011089003183	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
219	Lò Thị Nở	1971	011171000921	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
220	Bạc Cầm Năm	1952	011052000268	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
221	Quàng Văn Sun	1996	011096001079	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
222	Lò Văn Sịnh	1964	011064000867	Thái	Bản Mường 1 - Mường Mùn	
223	Lò Thị Tươi	1974	011174001188	Thái	Bản Lúm - Mường Mùn	
224	Quàng Văn Nguyên	1989	011089001538	Thái	Bản Lúm - Mường Mùn	
225	Lò Văn Điện	1952	011052000271	Thái	Bản Lúm - Mường Mùn	
226	Lường Thị Thiếp	1986	011186001961	Thái	Bản Xuân Tươi - Mường Mùn	
227	Quàng Văn Công	1988	011088001570	Thái	Bản Xuân Tươi - Mường Mùn	
228	Nguyễn Thị Hiền	1986	011186008034	Thái	Bản Xuân Tươi - Mường Mùn	
229	Lò Văn Định	1958	011058000501	Thái	Bản Xuân Tươi - Mường Mùn	
230	Lò Văn Thắng	1986	011091005081	Thái	Bản Xuân Tươi - Mường Mùn	
231	Lò văn Thong	09/09/1976	011076001721	Thái	Bản Yên - Mường Thín	
232	Lò Văn Xiên	20/04/1962	011262001215	Thái	Bản Yên - Mường Thín	
233	Quàng Văn Luân	16/08/1991	040473335	Thái	Bản Yên - Mường Thín	
234	Lò Văn Tiên	05/12/1967	011067001080	Thái	Bản Muông - Mường Thín	
235	Lường Thị Diu	06/07/1980	011180002529	Thái	Bản Muông - Mường Thín	
236	Lò Văn Thăm	20/08/1976	040288537	Thái	Bản Muông - Mường Thín	
237	Lò Văn Trấn	09/08/1989	011089002705	Thái	Bản Thín B - Mường Thín	
238	Lò văn Luân	20/05/1986	011086002923	Thái	Bản Thín B - Mường Thín	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
239	Lò Văn Thắng	12/07/1966	011166001511	Thái	Bản Thín B - Mường Thín	
240	Lò Văn Trái	30/05/1979	011079002121	Thái	Bản Thín B - Mường Thín	
241	Lò Văn Thiên	07/09/1990	011090002973	Thái	Bản Thín A - Mường Thín	
242	Lò Văn Pấng	09/06/1985	011085002617	Thái	Bản Thín A - Mường Thín	
243	Lò Văn Thân	01/01/1989	040347471	Thái	Bản Thín A - Mường Thín	
244	Lò Văn Lanh	29/07/1992	011085002617	Thái	Bản Thín A - Mường Thín	
245	Quàng Văn Nghĩa	15/06/1988	011088002874	Thái	Bản Đông Thấp - Mường Thín	
246	Cà Văn Thơ	05/11/1994	011094002496	Thái	Bản Đông Thấp - Mường Thín	
247	Cà Văn Tuấn	10/09/1993	011093004562	Thái	Bản Đông Thấp - Mường Thín	
248	Cà Văn Hịa	15/03/1975	011075001679	Thái	Bản Đông Thấp - Mường Thín	
249	Tòng Văn Hoan	15/09/1984	011084002027	Thái	Bản Hốc Chứn - Mường Thín	
250	Lò Văn Khoán	10/09/1957	011057003171	Thái	Bản Hốc Chứn - Mường Thín	
251	Lò Văn Xôm	15/08/1983	011083002116	Thái	Bản Hốc Chứn - Mường Thín	
252	Giàng A Dế	10/03/1988	011088002863	Mông	Bản Đông Liếng - Mường Thín	
253	Giàng A Máy	11/01/1984	011084002382	Mông	Bản Đông Liếng - Mường Thín	
254	Mùa A Vàng (B)	15/01/1996	011096002275	Mông	Bản Đông Liếng - Mường Thín	
255	Giàng Chồng Lử	02/09/1973	011073001520	Mông	Bản Thẳm Xả - Mường Thín	
256	Giàng A Chùa	11/03/1987	011087005234	Mông	Bản Thẳm Xả - Mường Thín	
257	Cà Văn Thơi	15/11/1972	011072004266	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
258	Cà Văn Hiên	15/6/1986	011086004498	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
259	Cà Văn Hoai	02/02/1978	011078001911	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
260	Lò Văn Xuân	12/6/1983	011083002079	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
261	Cà Thị Xả	01/01/1963	011163001229	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
262	Lò Văn Tương	10/01/1978	011078005806	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
263	Bạc Cầm Mẳn	16/02/1964	011064001556	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
264	Cà Văn Tại	01/01/1992	011092009209	Thái	Bản Nà Sáy 1 - Nà Sáy	
265	Lò Văn Mẳn	10/12/1962	011062001188	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
266	Lò Văn Phương	01/01/1985	011085002567	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
267	Lò Văn Phòng	01/02/1965	011065001050	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
268	Cà Văn Piếng	07/06/1980	011080004255	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
269	Cà Văn Minh	08/11/1976	011076001709	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
270	Lò Văn Biển	04/01/1974	011074001710	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
271	Lò Văn Cường	29/12/1982	011082006534	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
272	Lường Văn Dưởng	01/01/1973	011073001484	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
273	Lường Văn Thành	05/02/1980	011080004747	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
274	Lò Văn Phong	1989		Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
275	Lò Văn Chung	08/10/1956	0111056000576	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
276	Lường Văn Quang	08/09/1989	040442075	Thái	Bản Nà Sáy 2 - Nà Sáy	
277	Lò Văn Xiến	28/09/1987	011087002563	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
278	Lường Thị Pâng	01/01/1981	011181001941	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
279	Lò Văn Anh	15/06/1995	040539936	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
280	Cà Thị Kiên	21/08/1985	011085002872	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
281	Lò Văn Thực	13/09/1985	011085002568	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
282	Lò Văn Yêu	01/01/1959	011059000792	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
283	Bạc Thị Tển	22/10/1980	011180002479	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
284	Lường Văn Chủa	01/01/1983	040317941	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
285	Lò Văn Tiến	08/05/1990	011090008402	Thái	Bản Hả - Nà Sáy	
286	Lò Văn Ngoan	11/11/1976	011076001683	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
287	Lò Văn Nhớ	05/02/1988	011098005313	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
288	Lò Văn Hoàn	15/08/1979	011079002077	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
289	Lò Văn Minh	15/03/1985	011085007535	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
290	Lò Văn Lanh	29/03/1994	011094007217	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
291	Cà Thị Diên	25/05/1974	011174002004	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
292	Quàng Văn Loa	20/07/1980	011080001909	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
293	Lù Văn Diêm	05/01/1996	011096002227	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
294	Lường Văn Thơm	30/07/1976	011076004303	Thái	Bản Nậm Cá - Nà Sáy	
295	Lường Văn Nghiến	25/11/1986	011086002860	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
296	Lò Văn Phượng	06/09/1990	'011090002919	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
297	Lường Văn Ngoan	14/04/2002	011202006890	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
298	Tòng Văn Xương	22/09/1975	011075001625	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
299	Lò Thị Hươi	01/01/1990	011190002538	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
300	Tòng Văn Thiết	22/06/1983	011083002075	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
301	Tòng Văn Thương	12/12/1973	011073001491	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
302	Lò Văn Thủy	10/02/1990	011090002906	Thái	Bản Hong Lực - Nà Sáy	
303	Tòng Văn Xuấn	10/05/1980	011080005428	Thái	Bản Huổi Sáy - Nà Sáy	
304	Quàng Văn Chung	12/03/1994	011094007185	Thái	Bản Huổi Sáy - Nà Sáy	
305	Quàng Văn Tuấn	01/01/1982	011082005245	Thái	Bản Huổi Sáy - Nà Sáy	
306	Tòng Văn Hương	1992	11092001768	Thái	Bản Nậm Bay - Nà Tòng	
307	Lò Thị Thượng	1985	40528993	Thái	Bản Nậm Bay - Nà Tòng	
308	Tòng Văn Thâng	01/01/1949	11049000136	Thái	Bản Nậm Bay - Nà Tòng	
309	Lò Văn Ọc	01/01/1971	11071000947	Thái	Bản Nậm Bay - Nà Tòng	
310	Lò Thị Tun	01/01/1944		Thái	Bản Nậm Bay - Nà Tòng	
311	Cà Thị Tiến	1989	11089004215	Thái	Bản Nậm Bay - Nà Tòng	
312	Giàng A Tủa	1993	11093005175	Mông	Bản Co Phát - Nà Tòng	
313	Vàng A Tằng	01/01/1961	11061000545	Mông	Bản Co Phát - Nà Tòng	
314	Ly A Chư	17/06/1983	40529580	Mông	Bản Co Phát - Nà Tòng	
315	Sùng A Già	09/07/1985	11085001846	Mông	Bản Co Phát - Nà Tòng	
316	Vàng A Mang	09/07/1998		Mông	Bản Nà Tòng - Nà Tòng	
317	Lường Thị Xiến	01/01/1972	11172001399	Thái	Bản Nà Tòng - Nà Tòng	
318	Lò Thị Pỏm	27/06/1957	11157000467	Thái	Bản Nà Tòng - Nà Tòng	
319	Lò Văn Chướng	12/05/1995	11095004680	Thái	Bản Nà Tòng - Nà Tòng	
320	Quàng Văn Chung	1985	11085004685	Thái	Bản Nà Tòng - Nà Tòng	
321	Giàng A Nủ	1990	11090001954	Mông	Bản Co Muông - Nà Tòng	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
322	Cháng A Lầu	1980	11080001313	Mông	Bản Co Muông - Nà Tòng	
323	Sùng A Dia	1988	11088001941	Mông	Bản Co Muông - Nà Tòng	
324	Thào A Phổng	11/11/1999	11099001234	Mông	Bản Co Muông - Nà Tòng	
325	Giàng A Sở	12/10/1965	11065000870	Mông	Bản Co Muông - Nà Tòng	
326	Cà Văn Dân	12/12/1992		Thái	Bản Pá Tong - Nà Tòng	
327	Lường Văn Dưỡng	04/10/1987	11087005282	Thái	Bản Pá Tong - Nà Tòng	
328	Lò Văn Tiếng	05/08/1980	11080006041	Thái	Bản Pá Tong - Nà Tòng	
329	Lò Văn Lả	20/10/1975	11075001169	Thái	Bản Pá Tong - Nà Tòng	
330	Điêu Thị Pinh	01/01/1975	11175001431	Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
331	Cà Văn Minh	1989		Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
332	Tòng Văn Cương	30/06/1994	11094001259	Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
333	Lò Văn Dế	1949		Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
334	Lò Thị Hém	1954	11154000460	Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
335	Lò Văn Xuấn	1978		Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
336	Quàng Văn Pháng	1975		Thái	Bản Nong Tóng - Nà Tòng	
337	Sùng A Khu	1998	011098003356	Mông	Bản Phàng Củ - Phình Sáng	
338	Thào A Chìa	1993	011093006691	Mông	Bản Phàng Củ - Phình Sáng	
339	Sùng A Giàng	1995	011095005820	Mông	Bản Phàng Củ - Phình Sáng	
340	Sùng A Sính	1992	011092007958	Mông	Bản Phàng Củ - Phình Sáng	
341	Sùng A Thai	1995	011095005029	Mông	Bản Mý Làng A - Phình Sáng	
342	Sùng A Sính	1985	011187007255	Mông	Bản Mý Làng A - Phình Sáng	
343	Thào A Tùng	1994	011094004805	Mông	Bản Mý Làng A - Phình Sáng	
344	Thào A Lênh	1994	011094005067	Mông	Bản Mý Làng B - Phình Sáng	
345	Giàng A Ban	2001	011201006099	Mông	Bản Mý Làng B - Phình Sáng	
346	Giàng Vả Páo	1963	011063002818	Mông	Bản Mý Làng B - Phình Sáng	
347	Sùng Chà Tùng	1959	011059002792	Mông	Bản Mý Làng B - Phình Sáng	
348	Giàng A Thanh	1993	011093005208	Mông	Bản Khua Trá - Phình Sáng	
349	Giàng Dũng Tình	1973	011073004916	Mông	Bản Khua Trá - Phình Sáng	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
350	Giàng Của Nếnh	1977	011077003348	Mông	Bản Khua Trá - Phình Sáng	
351	Giàng A Tú	1965	011065002410	Mông	Bản Háng Khúa - Phình Sáng	
352	Mùa A Hờ	1999	011099006879	Mông	Bản Háng Khúa - Phình Sáng	
353	Giàng A Dính	1997	011097008085	Mông	Bản Háng Khúa - Phình Sáng	
354	Giàng Thị Mai	1987	011187007301	Mông	Bản Háng Khúa - Phình Sáng	
355	Vàng A Nù	1996	011096006507	Mông	Bản Háng Khúa - Phình Sáng	
356	Mùa A Tàng	1998	011098003778	Mông	Bản Nậm Din - Phình Sáng	
357	Sùng A Lử	1994	011094008708	Mông	Bản Nậm Din - Phình Sáng	
358	Mùa A Chu	1994	011094005439	Mông	Bản Nậm Din - Phình Sáng	
359	Giàng A Khua	1990	011090007672	Mông	Bản Phiêng Cải - Phình Sáng	
360	Giàng A Phong	1992	011092008229	Mông	Bản Phiêng Cải - Phình Sáng	
361	Giàng A Khu	1996		Mông	Bản Phiêng Cải - Phình Sáng	
362	Thào A Chù	1989		Mông	Bản Háng Chua - Phình Sáng	
363	Thào A Nhè	1990	011090005447	Mông	Bản Háng Chua - Phình Sáng	
364	Chá A Tủa	20/04/1990	011090002539	Mông	Bản Xá Tự - Pú Nhung	
365	Giàng A Lềnh	26/05/1997	011097006461	Mông	Bản Xá Tự - Pú Nhung	
366	Giàng A Vừ	14/06/2001	011201006067	Mông	Bản Xá Tự - Pú Nhung	
367	Vừ A Lử	05/09/1993	011093002504	Mông	Bản Xá Tự - Pú Nhung	
368	Giàng A Hồ	02/04/1997	011097001757	Mông	Bản Xá Tự - Pú Nhung	
369	Mùa A Dế	01/01/1972	011072001682	Mông	Bản Khó Bua - Pú Nhung	
370	Sùng A Tằng	16/08/1992	011092002510	Mông	Bản Khó Bua - Pú Nhung	
371	Mùa A Súa	15/06/1964	011064001499	Mông	Bản Khó Bua - Pú Nhung	
372	Sùng A Dua	28/03/1995	011095001949	Mông	Bản Đề Chia B - Pú Nhung	
373	Lầu A Sùng	06/10/1995	011095004927	Mông	Bản Đề Chia B - Pú Nhung	
374	Vàng A Phía	02/09/1996	011099005005	Mông	Bản Đề Chia B - Pú Nhung	
375	Lầu A Sử	18/09/1993	011093002521	Mông	Bản Phiêng Pi - Pú Nhung	
376	Sùng A Lầu	12/12/1973	011073001467	Mông	Bản Phiêng Pi - Pú Nhung	
377	Lầu A Lềnh	06/12/1990	011090002887	Mông	Bản Phiêng Pi - Pú Nhung	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
378	Lầu Thị Vàng	1982	011184002958	Mông	Bản Tênh Lá - Pú Nhung	
379	Vừ A Tông	19/12/2000	011200001873	Mông	Bản Trung Dình - Pú Nhung	
380	Vừ A Nu	05/08/1993	011093002522	Mông	Bản Trung Dình - Pú Nhung	
381	Vàng A Thanh	10/07/1992	011092006320	Mông	Bản Chua Lú - Pú Nhung	
382	Lù Văn Chu	1982	11082004504	Khơ Mú	Bản Hua Mức 3 - Pú Xi	
383	Vừ A Chu	1992	11092006175	Mông	Bản Hát Láu - Pú Xi	
384	Khoàng Văn Thang	1980	11080005931	Khơ Mú	Bản Hát Khoang - Pú Xi	
385	Lò Văn Mơi	1989	11089007940	Khơ Mú	Bản Hát Khoang - Pú Xi	
386	Hờ A Sở	1975	11075005322	Mông	Bản Pú Xi 1 - Pú Xi	
387	Giàng A Sú	1984	11084004128	Mông	Bản Pú Xi 1 - Pú Xi	
388	Vừ A Khá	1989	11089005656	Mông	Bản Thẩm Mú - Pú Xi	
389	Giàng A Nhè	1982	11082005894	Mông	Bản Hua Mùn - Pú Xi	
390	Thào A Dua	1992	11092004665	Mông	Bản Hua Mùn - Pú Xi	
391	Giàng A Chứ	1975	11075005113	Mông	Bản Pú Xi 2 - Pú Xi	
392	Giàng A Khua (B)	1971	11071002933	Mông	Bản Pú Xi 2 - Pú Xi	
393	Sùng A Nếnh	1981	11081005370	Mông	Bản Thẩm Táng - Pú Xi	
394	Vàng Thị Dế	1981	11181004158	Mông	Bản Hua Mức 1 - Pú Xi	
395	Thào A Páo	1987	11087006591	Mông	Bản Hua Mức 2 - Pú Xi	
396	Giàng A Dơ	1995	11095008321	Mông	Bản Hua Mức 2 - Pú Xi	
397	Quàng Thị Nhung	1986	011186002042	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
398	Lò Văn Long (Thi)	1981	011081000984	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
399	Lò Văn Đoàn	1970	011070004885	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
400	Lò Thị Hoa	1974	011174001053	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
401	Quàng Văn Thuận	1970	011070003945	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
402	Lò Văn Hồng	1983	011083001468	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
403	Lò Thị Chỉnh	1963	011163007712	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
404	Lò Văn Dân	1971	011071001069	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
405	Quàng Văn Chiến	1967	011067002380	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
406	Lường Thị Xiến	1985	011185002313	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
407	Lò Văn Long (Vương)	1981	011081000894	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
408	Lường Thị Tươi	1962	011162000454	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
409	Lò Thị Hoan	1964	011164001165	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
410	Lò Văn Dung	2000	011200001218	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
411	Lò Văn Biên	15/07/1971	011071003041	Thái	Bản Sảo - Quài Cang	
412	Lò Văn Yên	1988		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
413	Lò Văn Sỹ	1995		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
414	Cà Văn Kiên	1981		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
415	Cà Thị Phanh	1964		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
416	Tòng văn tuấn	1988		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
417	Lò Thị Mún	1955		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
418	Lò Văn Hom	1964		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
419	Quàng Văn Thiên	1985		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
420	Lường Thị Việt	1958		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
421	Lò Văn Khiên	1970		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
422	Quàng Văn Hặc	1969		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
423	Lò Văn Chái	1982		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
424	Lò Văn Hoáng	1972		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
425	Lò Văn Lún	1969		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
426	Lường Văn Tâm	1959		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
427	Lường Thị Hạnh	1983		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
428	Lường Văn Hùng	1988		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
429	Tòng Văn Yến	1985		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
430	Lò Văn Chung	1981		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
431	Lò Văn Thiện	1963		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
432	Lường Văn Bang	1963		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	
433	Tòng Văn Sôm	1945		Thái	Bản Sáng - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
434	Quàng Văn Lai	1975		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
435	Quàng Văn Minh	1981		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
436	Lò Văn Thoan	1970		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
437	Lường Thị Mai	1990		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
438	Quàng Thị Sen	1986		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
439	Quàng Văn Sơn	1983		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
440	Lò Văn Thiện	1962		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
441	Quàng Văn Thoạn	1956		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
442	Lò Văn Thắng	2000		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
443	Lò Văn Thiêm	1983		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
444	Lường Văn Thân	1985		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
445	Lường Văn Ọi	1984		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
446	Lò Văn Tiện	1966		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
447	Quàng Thị sương	1947		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
448	Lường Văn Ánh	1982		Thái	Bản Nát - Quài Cang	
449	Lò Văn Hoài	1977		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
450	Quàng Thị Lan	1983		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
451	Lò Văn Thưởng	1962		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
452	Lò Thị Sơn	1970		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
453	Lò Văn Điện	1975		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
454	Lò Văn Cương	1980		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
455	Lò Văn Tiến	1988		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
456	Lường Văn Hướng	1975		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
457	Lò Văn Thươi	1981		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
458	Quàng Thị Hinh	1970		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
459	Lò Thị Loan	1976		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
460	Lò Văn Định	1969		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	
461	Lò Văn Dũng	1990		Thái	Bản Sái Trong - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
462	Lường Văn Nọi	1964		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
463	Lường Văn Hà	1981		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
464	Lường Văn Bỉnh	1946		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
465	Lường Văn Thương	1972		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
466	Lò Thị Dim	1976	11176000579	Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
467	Lò Văn Cương	1967		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
468	Lò Thị Thoạn	1957		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
469	Lò Văn Tiến	1970		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
470	Tòng Thị Thảnh	1978		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
471	Tòng Thị Phượng	1988		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
472	Quàng Thị Sương	1948		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
473	Quàng Thị Xôm	1940		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
474	Quàng Văn Thịnh	1976		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
475	Quàng Văn Chung	1992		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
476	Lò Văn Sùng	1972		Thái	Bản Kệt - Quài Cang	
477	Lò Thị Xôm	1987		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
478	Lò Văn Phúc	1991		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
479	Lò Văn Thiêm	1984		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
480	Lò Văn Thủy	1986	011086002299	Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
481	lò Thị Mẹo	1959		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
482	Quàng Thị Chính	1974		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
483	Quàng Thị Số	1940		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
484	Lò Văn Phan	1985		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
485	Quàng Văn Sinh	1970		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
486	Cà Văn Cường	1990		Thái	Bản Cuông - Quài Cang	
487	Lò Thị Lại	1949	11149000197	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
488	Lò Văn Hoán	1973	11073001034	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
489	Lò Văn Thoán	1977	11077003442	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
490	Lò Văn Tem	1965	11065000344	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
491	Quàng Thị Trực	1970	11170001195	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
492	Lò Văn Hồng	1990	11090005400	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
493	Lường Thị Ọi	1964	11164000521	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
494	Lò Văn Pấng	1971	11071000435	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
495	Lò Văn Sơn	1981	40927365	Thái	Bản Sái Ngoài - Quài Cang	
496	Lò Thị Tươi	1987	11187002012	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
497	Lò Văn Hoàng	1963	11063003130	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
498	Lường Văn Chung	1990		Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
499	Lò Văn Châm	1983	11083000799	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
500	Lò Văn Thương	1995	11095001575	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
501	Lò Văn Sơn	1964	11064000826	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
502	Lường Văn Trái	1991	11091007612	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
503	Lường Văn Kiên	1975	11075001750	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
504	Lò Văn Hưởng	1974	11074001333	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
505	Lò Văn Phương	1970	11070000752	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
506	Quàng Văn Xiên	1957	11057000489	Thái	Bản Giăng - Quài Cang	
507	Lường Văn Xuân	1959	011059005148	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
508	Lò Văn Sương	1940	011040002167	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
509	Lò Văn Hặc	1940	011040000140	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
510	Lò Văn Hiến	1979	011079001405	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
511	Lò văn Dương	1988	011088003116	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
512	Lường Thị Hà	1985	011185000857	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
513	Tòng Văn Duyên	1960		Thái	Bản Cản - Quài Cang	
514	Lường Văn Nén	1978	011078001409	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
515	Quàng Văn Nọi	1992	011092000209	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
516	Lò Văn Xương	1990	011090000876	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
517	Lường Văn Huấ**n**	1979	011079006032	Thái	Bản Cản - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
518	Lò Văn Thủy	1992	040526149	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
519	Lò Thị Lún	1975	011175000520	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
520	Lò Văn Nhất	1985	011085004174	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
521	Lò Văn Hiển	1985	011085005432	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
522	Lò Thị Diên	1984	11184001594	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
523	Lò Thị Minh	1985	11185000855	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
524	Lò Văn Sáng	1987	11087001795	Thái	Bản Cản - Quài Cang	
525	Nguyễn Văn Xuyên	1960	34066010006	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
526	Lò Văn Minh	1984		Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
527	Tòng Văn Nghẹ	1992	11092004606	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
528	Lò Thị Kiu	1968	11168003312	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
529	Tòng văn Minh	1980	11080001500	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
530	Cà Văn Khôm	1956	11056000480	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
531	Lò Thị Phúc	1975	11175001655	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
532	Lường Thị Kim	1979	11179001266	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
533	Tòng Thị Oan	1971	11171001176	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
534	Lường Thị Diên	1987	11187007154	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
535	Lò Văn Long	1990	11090001448	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
536	Lò Văn Liên	1956	11056000480	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
537	Cà Văn Dũng	1982	11082005801	Thái	Bản Phủ - Quài Cang	
538	Lò Văn Sơn	1988	11088000704	Thái	Bản Khá - Quài Cang	
539	Lò Thị Tại	1994		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
540	Lường Văn Tiêng	1964		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
541	Nguyễn Văn Khương	1974		Kinh	Bản Khá - Quài Cang	
542	Lò Văn Quỳnh	1990	1109006128	Thái	Bản Khá - Quài Cang	
543	Lò Văn Du	1982		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
544	Lò Văn Thiêm	1981	40462211	Thái	Bản Khá - Quài Cang	
545	Lường Văn Hịa	1989		Thái	Bản Khá - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
546	Lường Văn Tươi	1972		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
547	Lường Văn Kiến	1983		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
548	Quàng Văn Mấng	1982		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
549	Quàng Văn Phanh	1954		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
550	Lò Văn Chung	1984		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
551	Lò Văn Ngoan	1985		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
552	Lò Văn Thủy	1983		Thái	Bản Khá - Quài Cang	
553	Cà Văn Cường	1982		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
554	Lò Văn Hao	1974		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
555	Lò Văn Hạnh	1990		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
556	Lò Văn Lả	1940		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
557	Lò Văn Dinh	1976		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
558	Lò Văn Muôn	1958		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
559	Lò Văn Táo	1971		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
560	Quàng Văn Thương	1984	11084004669	Thái	Bản Cá - Quài Cang	
561	Lò Văn thuận	1974		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
562	Quàng Văn Dũng	1980		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
563	Lò Văn So	1959	11059000354	Thái	Bản Cá - Quài Cang	
564	Quàng Văn Pánh	1972	011072000472	Thái	Bản Cá - Quài Cang	
565	Lò Văn Dũng	1985	11085001780	Thái	Bản Cá - Quài Cang	
566	Lò Văn Thân	1988		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
567	Lò Văn Lả	1974		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
568	Lò Văn Chính	1962		Thái	Bản Cá - Quài Cang	
569	Lò Văn Soan	1989	11089000783	Thái	Bản Cá - Quài Cang	
570	Lường văn Minh	1975		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
571	Tòng Văn Chung	1936		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
572	Lò Văn Thiện	1958		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
573	Lường Thị Lả	1973	11173001251	Thái	Bản Phung - Quài Cang	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
574	Quàng Văn Thong	1974	11074004310	Thái	Bản Phung - Quài Cang	
575	Tòng Thị Huấn	1969	11169000383	Thái	Bản Phung - Quài Cang	
576	Lường Thị Pánh	1984	11184005101	Thái	Bản Phung - Quài Cang	
577	Quàng Văn Phạp	1971		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
578	Tòng Văn Thiết	1990	11090008335	Thái	Bản Phung - Quài Cang	
579	Lường Văn Bình	1952		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
580	Tòng Văn Tương	1981	40281676	Thái	Bản Phung - Quài Cang	
581	Tòng Thị Đôi	1982		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
582	Lò Văn Xuân	1977		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
583	Tòng Thị Piếng	1947		Thái	Bản Phung - Quài Cang	
584	Lường Văn Muôn	1962	011062000615	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
585	Lường Văn Thanh	1980	011080001021	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
586	Lò Thị Nẻ	1969	011169000846	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
587	Quàng Văn Quân	1977	011077000857	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
588	Quàng Thị Chung	1981	011181001097	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
589	Lò Văn Miện	1988	011088001382	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
590	Quàng Văn Mấng	1962	011062000611	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
591	Quàng Văn Huấn	1969	011069000736	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
592	Lường Thị Xuân	1966	011166000842	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
593	Lò Thị Lả	1990	011190005186	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
594	Lường Văn Tiện	1983	011083001186	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
595	Lường Văn Thoan	1982	011082001191	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
596	Lò Văn Điệp	1990	011090004616	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
597	Lò Thị Puốn	1972	011172001075	Thái	Bản Củ - Quài Nưa	
598	Tòng Thị Pản	1952	011152000203	Thái	Bản Chá - Quài Nưa	
599	Lò Văn Cương	1985	011085004808	Thái	Bản Chá - Quài Nưa	
600	Lò Thị Hương	1984	011184001571	Thái	Bản Chá - Quài Nưa	
601	Lường Văn Binh	1972	011071003000	Thái	Bản Chá - Quài Nưa	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
602	Lường Thị Hịa	1958	011058000479	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
603	Quàng Thị Xiến	1971	011171000814	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
604	Lò Văn Thỉnh	1987	011087001445	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
605	Lường Văn Nọi	1986	011086001523	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
606	Lường Thị Phe	1982	011182001476	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
607	Tòng Văn Chờ	1992	011092001170	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
608	Lường Thị Hiến	1976	011176001163	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
609	Lò Văn Lanh	1988	011088007861	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
610	Lò Thị Huấn	1951	011151000134	Thái	Bản Giáng - Quài Nưa	
611	Lò Văn Chơ	1987	011087001450	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
612	Lường Văn Tục	1981	011081000927	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
613	Lường Văn Lai	1988	011088006327	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
614	Tòng Thị Hà	1991	011191004782	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
615	Quàng Thị Mới	1994	011194001863	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
616	Lò Văn Tiên	1991	011091003967	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
617	Quàng Văn Hải	1989	011089004714	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
618	Cà Văn Uân	1981	011081005673	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
619	Lò Văn Sáng	1922	011022000011	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
620	Lò Văn Tiên	1973	011073001025	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
621	Tòng Văn Chinh	1968	011068000941	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
622	Lò Văn Ánh	1987	011087004813	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
623	Lò Văn Thức	1993	011093001662	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
624	Lường Văn Thận	1986	011086005898	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
625	Vừ Thị May	1983	011183001819	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
626	Lò Văn Thiêm	1984	011084007045	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
627	Lường Văn Giót	1986	011086007307	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
628	Lò Văn Thay	1990	011090006799	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	
629	Lò Văn Nú	1938	011038000049	Thái	Bản Chăn - Quài Nưa	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
630	Vừ A Hồ	1977	011077000868	Mông	Bản Mạ Khúa - Quài Nưa	
631	Vàng A Già	1972	011072000884	Mông	Bản Mạ Khúa - Quài Nưa	
632	Lò Thị Tươi	1986	011186001735	Thái	Bản Cang - Quài Nưa	
633	Lò Văn Vui	1990	011090006374	Thái	Bản Cang - Quài Nưa	
634	Lò Thị Thiên	1988	011188001514	Thái	Bản Cang - Quài Nưa	
635	Lò Thị Vân	1996	011196001579	Thái	Bản Pha Nàng - Quài Nưa	
636	Tòng Văn Thắm	1983	011083001463	Thái	Bản Pha Nàng - Quài Nưa	
637	Lò Văn Phiên	1983	011083001466	Thái	Bản Pha Nàng - Quài Nưa	
638	Lò Văn Hinh	1991	011091005163	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
639	Lò Văn Tiến	1994	040334525	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
640	Quàng Văn Ọi	1986	011086001521	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
641	Lò Văn Chính	1980	011080003478	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
642	Quàng Thị Tế	1978	011178005592	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
643	Cà Thị Thu	1951	011151000125	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
644	Quàng Văn Tinh	1983	011083001123	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
645	Lò Văn Lanh	1993	011093001281	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
646	Lò Văn Dương	1992	011092001176	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
647	Lường Thị Lả	1967	011167000674	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
648	Lò Văn Phan	1988	011088066592	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
649	Lò Văn Pọm	1968	011068000691	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
650	Lường Văn Hợi	1985	011085001363	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
651	Lò Văn Chươi	1974	011074004046	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
652	Quàng Thị Bua	1969	011169000816	Thái	Bản Bó Giáng - Quài Nưa	
653	Quàng Văn Tiện	1987	011087005264	Thái	Bản Ten - Quài Nưa	
654	Lù Văn Nghĩa	1993	011093005297	Thái	Bản Ten - Quài Nưa	
655	Lò Văn Quỳnh	1987	011087001453	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
656	Lường Minh Tuấn	1970	011070000776	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
657	Quàng Văn Phớ	1956	011056002310	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
658	Quàng Văn Nối	1987	040366084	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
659	Cà Văn Thơ	1994	011094001178	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
660	Lò Thị Tại	1970	011170000864	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
661	Mào Thị Thu	1976	011176000058	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
662	Quàng Thị Nọng	1962	011162000756	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
663	Quàng Thị Muôn	1952	011152000224	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
664	Lường Thị Lập	1974	011174001044	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
665	Lường Thị Chinh	1981	011181004383	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
666	Lường Văn Trọng	1986	011086001524	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
667	Quàng Văn Thăm	1964	040532737	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
668	Lò Thị Tọ	1969	011169000801	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
669	Lường Thị Vân	1991	040383053	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
670	Lường Thị Thươi	1986	011186001859	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
671	Quàng Thị Lẻ	1976	011176011189	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
672	Lò Thị Xuân	1959	011159000509	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
673	Quàng Thị Sơn	1973	011173000927	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
674	Lò Thị Thắm	1998	011198000919	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
675	Lường Thị Tắm	1952	011152000215	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
676	Quàng Văn Yên	1969	011069000698	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
677	Lường Thị Tiện	1983	011183001791	Thái	Bản Cọ - Quài Nưa	
678	Lò Thị Pọm	1981	011181004291	Kháng	Bản Nong Liếng - Quài Nưa	
679	Lường Thị Pánh	1980	011180001253	Kháng	Bản Nong Liếng - Quài Nưa	
680	Lò Văn Xuân	1985	011085002108	Kháng	Bản Nong Liếng - Quài Nưa	
681	Cà Văn Túi	1980	011080004527	Kháng	Bản Nong Liếng - Quài Nưa	
682	Lường Văn Tắm	1982	011082001194	Kháng	Bản Nong Liếng - Quài Nưa	
683	Lò Thị Păn	1975	011175001371	Kháng	Bản Nong Liếng - Quài Nưa	
684	Vũ Thị Hồng	1958	034158010551	Kinh	Bản Minh Thắng - Quài Nưa	
685	Lường Văn Hương	1980	011080004993	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
686	Lò Thị Diu	1972	011172000723	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
687	Lò Thị Uôn	1981	011179000834	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
688	Cà Thị Giót	1944	011144000476	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
689	Cà Văn Mèo	1968	011068001438	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
690	Cà Thị Thu	1977	011177000741	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
691	Lường Thị Pánh	1980	011180000827	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
692	Cà Văn Phương	1988	040348469	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
693	Lò Văn Văn	1997	011097005325	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
694	Cà Văn Đoàn	1971	011071000461	Thái	Bản Băng Sản - Quài Tở	
695	Cà Văn Toàn	1988	011088005948	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
696	Lường Thị Thinh	1983	011183005520	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
697	Lò Văn Pánh	1968		Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
698	Lường Văn Kính	1948	011048000221	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
699	Lường Văn Thiết	1981	01108100182	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
700	Cà Văn Thăm	1982	011082004224	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
701	Lường Thị Lai	1979	011179005775	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
702	Lường Văn Tây	1943	011043000139	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
703	Cà Văn Vinh	1979	011079000667	Thái	Bản Biếng - Quài Tở	
704	Cà Văn Phiên	1981	011081003401	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
705	Cà Văn Cường	1985	011085001343	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
706	Cà Văn Quyết	1985	011085000905	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
707	Cà Văn Thoan	1967	011067000353	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
708	Cà Thị Muôn	1960	0111640000447	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
709	Cà Thị Thiện	1966	011166003318	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
710	Quàng Thị Binh	1976	011176004613	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
711	Quàng Văn Tại	1970	011070000469	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
712	Cà Thị Hinh	1980	011180000785	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
713	Cà Thị Thinh	1984	011184001114	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
714	Cà Thị Phương	1980	011180000819	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
715	Cà Văn Hoàn A	1972	011072000588	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
716	Lò Văn Phương T	1983	011083004320	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
717	Lò Văn Thắng	1983	040342641	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
718	Lò Văn Thơm	1976	011076004572	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
719	Cà Văn Thắm	1982	011082004487	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
720	Cà Văn Phương	1983	011083000790	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
721	Cà Văn Nọi	1986	011086001050	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
722	Quàng Văn Thơi	1967	011067000357	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
723	Cà Thị Binh	1971	011171000558	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
724	Cà Thị Chung	1978	011178000776	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
725	Lò Văn Tún	1982	011082000836	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
726	Lò Văn Xướng	1988	040542532	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
727	Cà Văn Đoán	1971	011071002943	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
728	Cà Văn Anh	1983	011083000795	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
729	Cà Thị Loan	1977	040396385	Thái	Bản Bông Ban - Quài Tở	
730	Cà Văn Tiêng	1961	011061000795	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
731	Lò Thị Ún	1964	011164001797	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
732	Tòng Văn Piếng	1970	011070000489	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
733	Cà Thị Tươi	1972	011172002142	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
734	Lò Văn Tún	1972	011172000593	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
735	Lường Văn Phát	1984	011184001510	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
736	Cà Văn Nọi	1986	011086007305	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
737	Cà Văn Thăm	1987	011087005281	Thái	Bản Chấng - Quài Tở	
738	Cà Văn Huôm	1950	0110500000139	Thái	Bản Pom Ban - Quài Tở	
739	Cà Văn Nhân	1957	011057003621	Thái	Bản Pom Ban - Quài Tở	
740	Lường Văn Phương	1981	011081001819	Thái	Bản Pom Ban - Quài Tở	
741	Cà Văn Phan	1986	011086002047	Thái	Bản Pom Ban - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
742	Cà Văn Phúc	1954	011054000183	Thái	Bản Pom Ban - Quài Tở	
743	Lò Văn Tiến A	1964	011064000530	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
744	Quàng Văn Thoan A	1955	011055000418	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
745	Lò Văn Sinh	1946	011046000068	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
746	Lò Thi Banh	1957	011157000171	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
747	Lò Văn Dinh	1959	011059000260	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
748	Cao Thị Tươi	1956	040066570	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
749	Lò Thị Tan	1976	011176000758	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
750	Tòng Văn Láo	1940	01104000063	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
751	Lò Văn Sơn	1974	011074000531	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
752	Lò Văn Thường	1960	01106000445	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
753	Lò Văn Lợi	1977	011077000601	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
754	Lường Văn Hiến	1962	01162000387	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
755	Lò Văn Tuấn	1983	011083003639	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
756	Quàng Văn Thoan B	1976	011076000608	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
757	Lò Văn Thơm	1976	040539046	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
758	Lường Thị Tươi	1979	040351193	Thái	Bản Đứa - Quài Tở	
759	Lò Văn Hoa	1981	011081003572	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
760	Lò Thị Nọi	1949	011149000098	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
761	Lò Văn Nọi	1950	011050000141	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
762	Tòng Văn Tún	1969	011069000470	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
763	Lường Văn Doan	1965	040069604	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
764	Lường Văn Hoan	1976	011076004474	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
765	Lò Văn Kim	1984	011084004107	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
766	Quàng Văn Tương	1964	011064000517	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
767	Tòng Văn Muôn	1985	011085005915	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
768	Tòng Văn Pánh	1958	01105800095	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	
769	Lò Văn Nghị	1972	011072003359	Thái	Bản Én Pậu - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
770	Lò Thị Lứu	1963	011163000454	Thái	Bản Món - Quài Tở	
771	Lò Văn Thiệu	1957	011057000641	Thái	Bản Món - Quài Tở	
772	Lò Văn Hoàn	1976	011076001796	Thái	Bản Món - Quài Tở	
773	Lò Văn Thước	1983	011083003663	Thái	Bản Món - Quài Tở	
774	Lọ Thị Tía	1977	040327299	Thái	Bản Món - Quài Tở	
775	Lò Văn Phương	1979	011079003731	Thái	Bản Món - Quài Tở	
776	Lò Văn Chung	1987		Thái	Bản Hới Nọ - Quài Tở	
777	Lò Văn Chủ	1979	040525100	Thái	Bản Hới Nọ - Quài Tở	
778	Lò Văn Chung	1989	040383118	Thái	Bản Hới Nọ - Quài Tở	
779	Lò Văn Huấn	1974	011074000525	Thái	Bản Hới Nọ - Quài Tở	
780	Tòng Văn Hiệp	1993	011093002752	Thái	Bản Hới Nọ - Quài Tở	
781	Lò Thị Hương	1980		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
782	Lò Văn Thiết	1983		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
783	Lò Văn Thiên	1980		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
784	Tòng Văn Mấng	1966		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
785	Tòng Văn Lương	1981	010081003939	Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
786	Tòng Văn Quyết	1984		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
787	Tòng Văn Hùng	1987		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
788	Lò Văn Thươi	1982		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
789	Tòng Văn Thiết	1982	011082000825	Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
790	Tòng Văn Thắng	1986		Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
791	Lò Văn Nụi	1986	011086003060	Thái	Bản Hới Trong - Quài Tở	
792	Tòng Văn Mai	1981	011081004630	Thái	Bản Ta - Quài Tở	
793	Lò Văn Hoàn	1972	011072000477	Thái	Bản Ta - Quài Tở	
794	Lò Văn Quân	1962	011062000294	Thái	Bản Ta - Quài Tở	
795	Lò Văn Phanh	1969	011069000343	Thái	Bản Ta - Quài Tở	
796	Tòng Văn Thiết	1983	011083000627	Thái	Bản Ta - Quài Tở	
797	Lò Thị Muôn	1959	011159000204	Thái	Bản Ta - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
798	Phan Văn Cúc	1964	011064000400	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
799	Lò Văn Quang	1982	014082002501	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
800	Lò Văn Hoan	1970	011070000365	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
801	Lường Thị Lả	1976	011176001887	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
802	Tòng Văn Nó	1968	011068000405	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
803	Lò Văn Lún	1983	011083000771	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
804	Quàng Văn Oan	1962	011062000370	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
805	Quàng Văn Thu	1976	011076000580	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
806	Tòng Văn kiên	1985	040427340	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
807	Lò Văn Nhaân	1966	011066000374	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
808	Lò Thị Thương	1976	011176000728	Thái	Bản Lé Xôm - Quài Tở	
809	Quàng Thị Chung	1978	011178000590	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
810	Lò Văn Ngoan	1982	011082000800	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
811	Lường Thị Dóng	1959	011159000279	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
812	Lường Thị Khịn	1982	011182006124	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
813	Lường Văn Tưởng	1982	011082000806	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
814	Lò Văn Nọi	1984	011084000853	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
815	Tòng Thị Loan	1984	011184001057	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
816	Lò Thị Hốm	1971	011171000538	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
817	Lường Văn Đón	1982	011082000796	Thái	Bản Lói - Quài Tở	
818	Lò Thị Tươi	1978	011178005212	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
819	Lò Văn Liên	1978	040526025	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
820	Lò Văn Yên	1969	011069004189	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
821	Lò Văn Nó	1942	01104200059	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
822	Quàng Văn Hậu	1967	011067002731	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
823	Lò Thị Kiên	1982	011182006015	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
824	Quàng Văn Nhân	1986	011086008066	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
825	Lò Văn Tiên	1986	0400442915	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
826	Lò Văn Muôn	1964	011064003006	Thái	Bản Ngúa - Quài Tở	
827	Quàng Văn Tiện	1959	011059000249	Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
828	Quàng Thị Thanh	1980	014180002430	Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
829	Quàng Văn Liên	1967	011067000376	Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
830	Quàng Thị Trung	1973		Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
831	Quàng Văn Ngoan	1954	011054000182	Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
832	Quàng Văn Tiếng	1986		Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
833	Quàng Văn Pọm	1964		Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
834	Quàng Thị Khánh	1982		Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
835	Lường Văn Minh	1964	011064003392	Thái	Bản Lạ - Quài Tở	
836	Tòng Thị Dung	1981	011181003533	Thái	Bản Có - Quài Tở	
837	Lường Văn Nguyên	1976	011076000590	Thái	Bản Có - Quài Tở	
838	Lường Văn Thương	1987	011087007393	Thái	Bản Có - Quài Tở	
839	Cà Văn Tướng	1964	011064000516	Thái	Bản Có - Quài Tở	
840	Lường Văn Khang	1957	011057000211	Thái	Bản Có - Quài Tở	
841	Tòng Văn Minh	1958	011058000292	Thái	Bản Có - Quài Tở	
842	Quàng Thị Tượi	1964	011164000568	Thái	Bản Có - Quài Tở	
843	Lường Thị Biên	1988	011188006497	Thái	Bản Có - Quài Tở	
844	Quàng Văn Xum	1973	011073000522	Thái	Bản Có - Quài Tở	
845	Lò Thị Hoài	1981	011181002238	Thái	Bản Có - Quài Tở	
846	Lường Văn Tuấn	1989	011089004346	Thái	Bản Có - Quài Tở	
847	Lường Văn Xiên	1986	011086001011	Thái	Bản Có - Quài Tở	
848	Tòng Văn Dũng	1979	040348402	Thái	Bản Có - Quài Tở	
849	Lò Văn Tưởng	1982	011082000792	Thái	Bản Có - Quài Tở	
850	Lò Văn Oan	1967	011067000382	Thái	Bản Có - Quài Tở	
851	Lò Văn Dong	1977	011077000587	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
852	Lò Thị Van	1959	011158003939	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
853	Lò Văn Mai	1994	011094004418	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
854	Lò Thị Bun	1984	011184004913	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
855	Lò Thị Biên	1978	'011178000766	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
856	Lò Văn Nơi	1981		Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
857	Lò Văn Biệt	1967	011067600383	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
858	Quàng Văn Chiêng	1988	011088007660	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
859	Lường Văn Tuân	1966	011066002916	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
860	Lường Văn Sọi	1956	011058002585	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
861	Lò Thị Biên	1985	011185001119	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
862	Lò Văn Quyên	1988	01108800642	Khơ Mú	Bản Hua Ca - Quài Tở	
863	Lò Văn So	1968	011068000449	Thái	Bản Thẳm Pao - Quài Tở	
864	Sùng Thị Lu	1962	014162001600	Thái	Bản Thẳm Pao - Quài Tở	
865	Giàng Sáy Vàng	1967	011067000389	Thái	Bản Thẳm Pao - Quài Tở	
866	Cà Văn Phanh	14/10/1987	011087007299	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
867	Lường Văn Nhân	13/8/1996	011096001475	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
868	Lò Văn Bun	01/01/1971	011071002809	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
869	Lường Văn Hặc	1957	011057000657	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
870	Cà Văn Yên	05/6/1994	011094001932	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
871	Lường Văn Sinh	05/9/1995	011095001669	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
872	Lường Thị Bình	04/3/1988	011188002146	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
873	Lò Văn Hùng	10/03/1987	011087001842	Kháng	Bản Nậm Mu - Rạng Đông	
874	Vũ Thị Suốt	20/06/1973	011173001279	Kinh	Bản Rạng Đông - Rạng Đông	
875	Bùi Văn Ngọc	29/12/1985	034068009914	Kinh	Bản Rạng Đông - Rạng Đông	
876	Vừ A Lầu	16/5/1993	011093001752	Mông	Bản Bon B - Rạng Đông	
877	Vừ Thị Dợ	1977	011177001481	Mông	Bản Bon B - Rạng Đông	
878	Quàng Văn Điếng	13/2/1994	011094001901	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	
879	Quàng Văn Đón	01/01/1979	011079001656	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	
880	Quàng Thị Lả	01/01/1970	011170001435	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	
881	Cà Văn Hảy	25/05/1987	011087002104	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
882	Quàng Văn Khỏ	1997	011097007412	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	
883	Lò Văn Cói	1987	011087002105	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	
884	Quàng Văn Khẹo	1991	011091005510	Kháng	Bản Noong Luông - Rạng Đông	
885	Lò Văn Lan	1992	01109004260	Thái	Bản Háng Á - Rạng Đông	
886	Sùng A Ca	1990	011090002281	Mông	Bản Háng Á - Rạng Đông	
887	Thào A Xá	1974	011074001261	Mông	Bản Háng Á - Rạng Đông	
888	Lò Văn Thiết	1985	011085006095	Thái	Bản Háng Á - Rạng Đông	
889	Lầu A Nếnh	1987	011087002129	Mông	Bản Háng Á - Rạng Đông	
890	Thào A Nhè	1994	011094001940	Mông	Bản Háng Á - Rạng Đông	
891	Sùng A Xà	1980	011080001544	Mông	Bản Háng Á - Rạng Đông	
892	Mùa A Xu	1995	011087002141	Mông	Bản Xá Nhè - Rạng Đông	
893	Sùng A Chùa	1996	011096001734	Mông	Bản Xá Nhè - Rạng Đông	
894	Sùng A Tỉnh	1992	011068000981	Mông	Bản Xá Nhè - Rạng Đông	
895	Vỉ A Cú	1964	011064001214	Mông	Bản Xá Nhè - Rạng Đông	
896	Hờ A Di	1996	011096001724	Mông	Bản Xá Nhè - Rạng Đông	
897	Sùng A Chừ	1997	011097004157	Mông	Bản Xá Nhè - Rạng Đông	
898	Cà Văn Khẹo	1981	011081003360	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
899	Lò Văn Cót	1995	040540983	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
900	Quàng Văn Tạo	1991	011091001845	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
901	Lò Văn Hảy	1993	011093007370	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
902	Quàng Văn Tắm	1988	011088006664	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
903	Lò Văn Sinh	1992	011092002313	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
904	Cà Văn Điếng	1991	011091001653	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
905	Quàng Văn Minh	1991	011091003781	Kháng	Bản Bon A - Rạng Đông	
906	Quàng Văn Phanh	1979		Kháng	Bản Trạm Củ - Ta Ma	
907	Lò Văn Xanh	1992	011092002827	Kháng	Bản Trạm Củ - Ta Ma	
908	Giàng A Cầu	03/01/1993	011093002736	Mông	Bản Kề Cải - Ta Ma	
909	Giàng A Của	1996	011096002398	Mông	Bản Kề Cải - Ta Ma	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
910	Hạng A Ky	19/06/1998	011098005591	Mông	Bản Phình Cứ - Ta Ma	
911	Sùng A Tằng	15/4/1994	011094006714	Mông	Bản Phình Cứ - Ta Ma	
912	Quàng Văn Mai	02/10/1992	011092002737	Kháng	Bản Nà Đắng - Ta Ma	
913	Lò Thị Sọn	27/3/1960	011160001378	Kháng	Bản Nà Đắng - Ta Ma	
914	Giàng A Hờ	06/01/1996	011096003860	Mông	Bản Háng Chua - Ta Ma	
915	Hảng A Sùng	02/06/1968	011068004000	Mông	Bản Háng Chua - Ta Ma	
916	Vàng A Tằng	20/10/1994	011094007710	Mông	Bản Thớ Tỷ - Ta Ma	
917	Lầu A Mua	15/08/1994	14086005335	Mông	Bản Xá Tự - Tênh Phông	
918	Lầu già Tú	1974	11074001614	Mông	Bản Xá Tự - Tênh Phông	
919	Vàng A Sai	01/01/1998	11098005140	Mông	Bản Há Dùa - Tênh Phông	
920	Lầu A Thụ	07/04/1995	11095002503	Mông	Bản Há Dùa - Tênh Phông	
921	Mùa A Ly	1992	11092002619	Mông	Bản Ten Hon - Tênh Phông	
922	Mùa A Dơ	1996	11096008550	Mông	Bản Ten Hon - Tênh Phông	
923	Sùng A Ká	1986	11086002951	Mông	Bản Ten Hon - Tênh Phông	
924	Lầu A Vư	05/06/1978	011078001992	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
925	Mùa A Chía	04/03/1983	011083002161	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
926	Mùa A Khá	18/07/1987	011087002654	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
927	Giàng A Hồ	02/09/1987	011087002653	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
928	Mùa A Sùng	09/08/1990	011090003019	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
929	Lầu A Dơ	12/03/1994	011094002546	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
930	Giàng A Sai	27/05/1994	011094002676	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
931	Mùa Thị Sùng	10/09/1967	014167006318	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
932	Giàng A Sá	14/10/1990	011090008781	Mông	Bản Hua Sa A - Tỏa Tình	
933	Mùa A Khứ	11/04/1966	011066003063	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
934	Mùa A Trừ	20/11/1990	011090003037	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
935	Mùa A Vừ	12/08/1994	011094008093	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
936	Mùa A Đông	12/04/1998	011098001958	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
937	Mùa A Khứ	16/07/1989	040366373	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
938	Mùa A Thu	28/02/1994	011094002671	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
939	Thào A Tủa	12/03/1988	011090003044	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
940	Vàng A Mua	16/05/1990	011090003036	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
941	Mùa A Khá	12/07/1992	011092002629	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
942	Mùa A Lềnh	22/12/1989	011089006886	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
943	Lầu A Ký	24/05/1985	011085002679	Mông	Bản Lồng - Tỏa Tình	
944	Sùng A Dế	01/05/1989	011089001782	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
945	Giàng A Lù	01/01/1985	011085001764	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
946	Mùa A Chính	06/12/1984	011084004421	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
947	Mùa A Tủa	14/06/1990	011090001883	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
948	Vàng A Chứ	16/02/1993	011093001670	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
949	Mùa A Dơ	29/10/1992	011092004672	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
950	Sùng Nhìa vàng	25/03/1942	011042000119	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
951	Mùa A Vàng	05/10/1994	011094001586	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
952	Sùng A vừ	01/01/1962	011062000855	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
953	Lầu A Dia	05/04/1974	011074001067	Mông	Bản Tỏa Tình - Tỏa Tình	
954	Mùa Nhìa Của	21/01/1979	011079001599	Mông	Bản Chế Á - Tỏa Tình	
955	Vàng A Vừ	12/09/1978	011078001501	Mông	Bản Chế Á - Tỏa Tình	
956	Giàng A Lầu	10/09/1978	011078001502	Mông	Bản Chế Á - Tỏa Tình	
957	Lầu A Dơ	01/12/1976	011076001409	Mông	Bản Chế Á - Tỏa Tình	
958	Vừ A Vàng	26/11/1983	011083001688	Mông	Bản Chế Á - Tỏa Tình	
959	Sùng A Câu	02/09/1992	014092004738	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	
960	Vừ A Lồng	15/11/1995	011095002586	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	
961	Thào A Chứ	11/09/1992	011092002633	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	
962	Sùng A Dế	23/10/1989	014089005120	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	
963	Lầu Páo Ly	13/11/1990	011090003040	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	
964	Mùa A Tủa	23/08/1988	011088002940	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	
965	Lầu A Sùng	10/11/1994	011094006715	Mông	Bản Háng Tầu - Tỏa Tình	

TT	Họ và tên (Chủ hộ)	Năm sinh	Số Căn cước công dân	Dân tộc	Địa chỉ	Ghi chú
966	Vừ Thị Dúa	17/12/1976	011076002255	Mông	Bản Hua Sa B - Tỏa Tình	
967	Vừ Thị Vàng	10/05/1958	011158000931	Mông	Bản Hua Sa B - Tỏa Tình	
968	Vàng Gà Lử	27/07/1967	011067001117	Mông	Bản Sông Ia - Tỏa Tình	
969	Vàng A Ná	05/01/1996	011096002326	Mông	Bản Sông Ia - Tỏa Tình	
970	Vàng A Sá	12/09/1983	011083004110	Mông	Bản Sông Ia - Tỏa Tình	
971	Vàng Thị Khua	13/12/1990	011190003296	Mông	Bản Sông Ia - Tỏa Tình	
972	Lò Thị Úi	01/01/1950	011150000350	Thái	Bản Nong Tấu - TT Tuần Giáo	
973	Lò Văn Hoàn	28/3/1972	011072004209	Thái	Bản Nong Tấu - TT Tuần Giáo	
974	Bạc Thị Biên	10/10/1961	011161003775	Thái	Bản Chiềng Chung - TT Tuần Giáo	
975	Lò Thị Loan	10/02/1973	011173000449	Thái	Bản Chiềng Chung - TT Tuần Giáo	
976	Nguyễn Thị Vân	01/01/1968	011168005020	Kinh	Khối Trường Xuân - TT Tuần Giáo	